Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Xét tuyển 11 lớp. 437 HS	Thi lên 11 lớp 402 HS	Thi lên 11 lớp 406 HS
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Đắk Lắk.		
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp và toàn thể CMHS họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	- Học sinh tham gia hoạt động NGLL rất đa dạng để giáo dụng kỹ năng sống. Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do		

		Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, KHKT…)		
V	**Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	- Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện: Từ 95% HS đạt Tốt/Khá trở lên. - Học tập: Từ 95% học sinh đạt từ TB/Đạt trở lên; Từ 98,0% HS đỗ tốt nghiệp THPT trở lên. - Sức khỏe: 100% HS đủ tiêu chuẩn về RLTT.		
VI	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	- Tỉ lệ lên lớp trên 98%. - Duy trì sĩ số ổn định.	- Tỉ lệ lên lớp trên 95%. - Duy trì sĩ số ổn định.	Tỉ lệ tốt nghiệp THPT >= 98,0%.

Krông Pắc, ngày 04 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nguyễn Thế Lộc

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂK LĂK
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện**	**1195**	**414**	**408**	**373**
1	Tốt	910	287	297	326
	(tỷ lệ so với tổng số)	76,2	69,3	72,8	87,4
2	Khá	227	101	89	38
	(tỷ lệ so với tổng số)	19,0	24,4	21,8	10,2
3	Trung bình/Đạt	57	26	21	9
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,77	6,28	5,15	2,41
4	Yếu/Chưa đạt	1	0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,08		0,25	
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1195**	**414**	**408**	**373**
1	Giỏi/Tốt	178	48	54	76
	(tỷ lệ so với tổng số)	14,9	11,6	13,2	20,4
2	Khá	582	141	198	243
	(tỷ lệ so với tổng số)	48,7	34,1	48,5	65,2
3	Trung bình/Đạt	416	213	154	49
	(tỷ lệ so với tổng số)	34,8	51,5	37,8	13,1
4	Yếu/Chưa đạt	19	12	2	5
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,6	2,9	0,5	1,3
5	Kém	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)				
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**822**	**414**	**408**	
1	Lên lớp	821	414	407	
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,88	100	99,75	
a	Học sinh giỏi và xuất sắc	178	48	54	76
	(tỷ lệ so với tổng số)	14,9	11,6	12,24	20,38
b	Học sinh tiên tiến	435		195	240
	(tỷ lệ so với tổng số)	55,7		47,79	64,34
2	Thi lại	14	12	2	

	(tỷ lệ so với tổng số)	1,7	2,9	0,5	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,12	0	1 0,25	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	34 2,8	13 3,0	11 2,6	10 2,6
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	37			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**372**			**372**
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**363 (97,58%)**			**363**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)**	161/43,3%			161/43,3%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**543/625**	**180/334**	**193/215**	**170/203**
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**256**	**92**	**102**	**62**

Krông Pắc, ngày 04 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nguyễn Thế Lộc

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	33	1,37m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01 lớp/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	37,7/lớp	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	19967,76m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	800m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	46.5m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	46.5m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	65m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)		
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	28m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	Thiết bị cũ, thiếu nhiều, không thể thống kê chính xác theo bộ	
1.1	Khối lớp...		
1.2	Khối lớp...		
1.3	Khối lớp...		

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Thiếu nhiều, cần cấp mới	
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	63	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	36	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Thiết bị khác...		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	36	
2	Cát xét	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	12 phòng, tổng diện tích 149,5m^2		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02/02		

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Krông Pắc, ngày 04 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nguyễn Thị Hạnh

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	80		5	76	1	3	1	80						
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	69		3	66				69						
1	Toán	9		1	8				9						
2	Vật Lý	9		1	8				9						
3	Hóa Học	5			5				5						
4	Sinh Học	6			6				6						
5	Ngữ Văn	8		1	7				8						
6	Lịch Sử	4			4				4						
7	Địa Lý	5			5				5						
8	GDCD(GDKT&PL)	2			2				2						
9	Tin Học	3			3				3						
10	Tiếng Anh	9			9				9						
11	Thể dục	6			6				6						
1	Công nghệ														
12	GDQPAN	3			3				3						
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			**3**				**3**						
1	Hiệu trưởng	1		1					1						
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2						
III	**Nhân viên**	**8**			**2**	**2**	**2**	**2**							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									

6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Bảo vệ	2						2							

Krông Pắc, ngày 04 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nguyễn Thế Lộc